

Số: /BC-UBND

An Giang, ngày tháng 12 năm 2025

## BÁO CÁO

### Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện Công điện số 644/CD-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC), kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang báo cáo Văn phòng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách TTHC tháng 12 năm 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

#### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

##### 1. Về cải cách việc quy định TTHC

##### **1.1. Kết quả đánh giá tác động và thẩm định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) có quy định TTHC**

Trong tháng 12 năm 2025, tỉnh An Giang phát sinh 03 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC, gồm:

- Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ đối với hoạt động sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách đặc thù phát triển công nghiệp bán dẫn; hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn trên địa bàn tỉnh An Giang.

Các dự thảo nêu trên đã được thực hiện đánh giá tác động TTHC theo đúng quy định.

##### **1.2. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC**

*a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ:*

Trong kỳ báo cáo, tỉnh An Giang không phát sinh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC chứa quy định kinh doanh..

*b) Kết quả thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.*

Tỉnh An Giang tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 384/KH-UBND ngày 08/4/2025 về triển khai chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025. Kết quả cụ thể:

- Đã ban hành 15 Quyết định ủy quyền, với 246 TTHC, thuộc nhiều lĩnh vực: môi trường, khoa học và công nghệ, thương mại, lao động, dân tộc, nông nghiệp, năng lượng, dược phẩm,...

- Ban hành Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 công bố danh mục TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình, một phần và TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến trên địa bàn tỉnh. Theo đó:

+ 1.150/1.150 TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến (tỷ lệ 100%);

+ 2.154 TTHC cung cấp DVCTT (1.093 toàn trình, 1.061 một phần);

+ 1.848 TTHC thuộc thẩm quyền cấp tỉnh; 401 TTHC thuộc thẩm quyền cấp xã;

+ 123 TTHC có mức thu phí, lệ phí 0 đồng khi thực hiện DVCTT;

+ 173 TTHC chưa phát sinh hồ sơ trong 03 năm gần nhất.

- Ban hành Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 công bố danh mục TTHC thực hiện giảm 30% thời gian giải quyết, với tổng số 2.000 TTHC được áp dụng. Việc giảm thời gian giải quyết TTHC ước tính tiết kiệm khoảng 4,8 tỷ đồng cho xã hội.

- Trong kỳ, tỉnh đã Ban hành 02 Quyết định công bố danh mục TTHC tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp; 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính, cụ thể:

+ Cấp tỉnh (theo Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 22/12/2025): Danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh An Giang với 1.848 TTHC thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và 8 TTHC thực hiện không tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Trong đó, thực hiện không phụ thuộc vào

địa giới hành chính với **1.856** TTHC (đạt **100%**), đồng thời có 1.848 TTHC được cung cấp DVCTT.

+ Cấp xã (theo Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 22/12/2025): Danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang với 391 TTHC thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và 11 TTHC thực hiện không tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Trong đó, thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính với **402** TTHC (đạt **100%**), đồng thời có 399 TTHC được cung cấp DVCTT.

\* Ghi chú: Tổng TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính đạt tỷ lệ **100%** với 2.258 TTHC, (phân theo cấp thực hiện cấp tỉnh, cấp xã; ví dụ: 01 TTHC được công bố nhưng cùng thực hiện ở 02 cấp cấp tỉnh, cấp xã).

- Địa phương cũng ban hành Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 16/09/2025 về quy trình tiếp nhận và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính (phi địa giới hành chính) trên địa bàn tỉnh An Giang và Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 về công bố danh mục TTHC thực hiện giảm 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh An Giang ước tiết kiệm khoản 4,8 tỷ đồng.

- Ngoài ra, Văn phòng UBND tỉnh đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Công văn số 726/UBND-TH ngày 19/5/2025 về đẩy mạnh cải cách TTHC nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh (triển khai Nghị quyết số 124/NQ-CP của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2025).

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Công văn số 496/UBND-HCC ngày 15/8/2025 về việc triển khai Công điện số 127/CĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung hoàn thành cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

- Ban hành Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 16/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành quy trình tiếp nhận và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính (phi địa giới hành chính) trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 quy định mức thu 0 đồng đối với phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khi thực hiện DVCTT trên địa bàn tỉnh An Giang.

*c) Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ:*

Trong tháng, tỉnh tiếp tục thực hiện rà soát, công bố TTHC nội bộ. Đến nay:

- Đã ban hành 29 Quyết định công bố, với hơn 482 TTHC nội bộ.

- Chỉ đạo các cơ quan hoàn thành cập nhật quy trình nội bộ sang quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

*d) Kết quả thực thi phương án phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ:*

Nội dung này được thực hiện khi Bộ, ngành Trung ương ban hành quyết định phân cấp cho địa phương.

*đ) Kết quả thực thi 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư:*

Đã giao cho các sở, ban, ngành kiến nghị trực tiếp Bộ, ngành liên quan.

*e) Kết quả thực hiện Nghị quyết số 66.7/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu*

- Tỉnh đã hoàn thành việc rà soát TTHC theo Công điện số 201/CD-TTg ngày 22/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu tại Báo cáo số 331/BC-UBND ngày 31/10/2025. Hoàn thành việc cung cấp kết quả thống kê, rà soát TTHC ở 3 cấp chính quyền (gửi lần 2) tại Công văn số 2160/UBND-HCC ngày 15/12/2025.

- Ban hành Văn bản số 1890/UBND-HCC ngày 26/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ và Công điện số 220/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Ban hành Văn bản số 2242/UBND-HCC ngày 18/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các đơn vị về khẩn trương triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng tại Văn bản số 12188/VPCP-KSTT ngày 10/12/2025 về kết quả rà soát TTHC do địa phương ban hành.

### **1.3. Tổng số TTHC được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ**

Trong kỳ báo cáo, tỉnh An Giang chưa ban hành quy định TTHC mới.

## **2. Về cải cách việc thực hiện TTHC**

### **Nội dung 2.1; 2.2; 2.3; 2.4 do Văn phòng Chính phủ thống kê.**

Tỉnh đã ban hành đầy đủ các kế hoạch triển khai công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và cung cấp DVCTT năm 2025, cụ thể:

- Ban hành Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 18/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Ban hành Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 10/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Ban hành Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức hoạt động kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử và công tác truyền thông về kiểm soát TTHC năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Ban hành Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 24/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 17/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả DVCTT đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Ban hành Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 05/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cao chất lượng cung cấp DVCTT toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

## **2.5. Kết quả hợp nhất, kết nối các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết TTHC**

- Hoàn thành hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống Một cửa điện tử thành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh. Hiện nay, tỉnh đã dùng cung cấp Cổng Dịch vụ công theo chỉ đạo của Trung ương.

- Đã kết nối chính thức giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh với CSDL quốc gia về dân cư.

- Kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh với các hệ thống thông tin, CSDL khác của các đơn vị và Bộ, ngành triển khai<sup>1</sup>.

## **3. Công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các TTHC, quy trình nội bộ, quy trình điện tử trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC**

Trong kỳ, tỉnh đã ban hành 09 Quyết định công bố danh mục TTHC, với 57 TTHC được cập nhật, chuẩn hóa (05 TTHC công bố mới; 52 TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế; 03 TTHC bị bãi bỏ); đồng thời ban hành 41 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, với 91 quy trình nội bộ được áp dụng trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh

<sup>1</sup> (1) Kết nối liên thông 02 nhóm dịch vụ công giữa hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với hệ thống phần mềm dịch vụ công liên thông; (2) Kết nối chính thức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an; (3) Phần mềm chuyên ngành Bộ Tư pháp (Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý Hộ tịch: Đăng ký khai sinh, Đăng ký khai tử, Đăng ký kết hôn); (4) Hệ thống cấp phiếu lý lịch Tư pháp của Bộ Công an; (5) Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử; (6) Phần mềm chuyên ngành Bộ Tài chính (cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá); (7) Phần mềm chuyên ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam (khai thác cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHXH); (8) Phần mềm chuyên ngành Bộ Xây dựng (Hệ thống dịch vụ công thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua); (9) Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc (PayGov); (10) Kết nối Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội (BLĐTBXH) với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang; (11) Hệ thống Giám sát Công thông tin điện tử, Công dịch vụ công quốc gia của Trung tâm Giám sát quốc gia về Chính phủ số (EMC - Cục Chuyển đổi số quốc gia); (12) Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Khoa học và Công nghệ (NDXP)); (14) Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia (NEAC), xác thực chứng thư số doanh nghiệp cung cấp; (15) Hệ thống VNPost (Bưu điện).

#### **4. Kết quả rà soát, tái cấu trúc quy trình TTHC cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh**

- Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục thực hiện theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp và Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp. Sở, ban, ngành tỉnh đang thực hiện rà soát tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tích hợp DVCTT với Cổng DVC quốc gia: đến nay Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã cung cấp đầy đủ danh mục DVCTT toàn trình và một phần theo các quyết định đã công bố, cụ thể (24/12/2025): Đã cung cấp 2154 DVCTT (tỷ lệ 99,1%) trên tổng TTHC thuộc thẩm quyền của địa phương (2174 TTHC), trong đó: 1.094 DVCTT toàn trình trên tổng số 1.099 TTHC đủ điều kiện toàn trình (đạt 99,55%); cung cấp 1.060 DVCTT một phần; còn lại 22 TTHC chưa cung cấp DVCTT.

#### **5. Đẩy mạnh chất lượng số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC trên môi trường điện tử**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành chỉ đạo các cơ quan đơn vị thực hiện nghiêm túc việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo các chỉ tiêu tại Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị theo dõi, chỉ đạo việc số hóa hồ sơ TTHC khi tiếp nhận, ký số kết quả giải quyết TTHC. Kết quả số hóa Tháng 12:

- + Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ đầu vào: đạt 89.68%.
- + Tỷ lệ số hóa kết quả hồ sơ đầu ra (cấp kết quả điện tử): đạt 89,89%.
- + Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa: 66.53%.

#### **6. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị**

Trong kỳ báo cáo (21/11/2025 - 20/12/2025), tỉnh tiếp nhận 196 phản ánh, kiến nghị; đã xử lý 92, đang xử lý 25, từ chối tiếp nhận 79 phản ánh không thuộc phạm vi TTHC.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Thuận lợi**

Công tác cải cách TTHC tiếp tục được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ, bám sát các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Văn phòng Chính phủ; kịp thời cụ thể hóa bằng các kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo điều hành phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Tỉnh An Giang đã kịp thời triển khai các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 20/CĐ-TTg ngày 26/02/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, Văn bản số 219/TTg-KSTT ngày 27/02/2025 về việc bảo đảm thực hiện TTHC (TTHC) cho người dân, doanh nghiệp khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 26/02/2025 về ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

Việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, đặc biệt là TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và doanh nghiệp, được đẩy mạnh; tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT đạt mức cao; 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính, đáp ứng yêu cầu tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được vận hành ổn định, từng bước phát huy hiệu quả; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống thông tin chuyên ngành được duy trì, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết TTHC.

Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được quan tâm chỉ đạo; tỷ lệ số hóa hồ sơ đầu vào, đầu ra tiếp tục được cải thiện, tạo tiền đề cho việc khai thác, sử dụng lại dữ liệu trong giải quyết TTHC.

Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy định; kịp thời tiếp nhận, phân loại và chuyển xử lý, góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính nhà nước.

## **2. Khó khăn**

Hệ thống thông tin, phần mềm chuyên ngành của một số bộ, ngành Trung ương chưa kịp thời nâng cấp, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính và mô hình chính quyền địa phương hai cấp; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh còn hạn chế.

Dữ liệu hộ tịch, dân cư chưa được đồng bộ, đầy đủ; phần mềm hộ tịch còn xảy ra lỗi kỹ thuật, ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng thông tin phục vụ giải quyết TTHC.

Một số TTHC, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, còn phức tạp, yêu cầu nhiều bước xác minh; thời gian thực hiện thực tế kéo dài do chưa tính đầy đủ các khoảng thời gian niêm yết, xác định nghĩa vụ tài chính, gây khó khăn trong việc bảo đảm tiến độ trả kết quả đúng hạn.

Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa trong giải quyết TTHC còn chưa cao; việc chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước chưa đồng đều.

### III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA THÁNG TIẾP THEO

- Thực hiện đầy đủ và đúng tiến độ của các nhiệm vụ thường xuyên được giao theo Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tổ chức hoạt động kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử và công tác truyền thông về kiểm soát TTHC năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Công bố kết quả xếp loại các đơn vị theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp tháng 12 năm 2025 theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- UBND cấp xã tiếp tục định kỳ hàng tuần công bố và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị kết quả đánh giá chất lượng Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg.

- Kịp thời tiếp nhận, xem xét, chuyển xử lý PAKN của người dân, doanh nghiệp đúng thời hạn và quy định.

### IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

#### 1. Văn phòng Chính phủ

**a) Về triển khai tiếp nhận, giải quyết TTHC trên các hệ thống phần mềm tập trung từ ngày 01/01/2026**

Việc triển khai tiếp nhận, giải quyết TTHC trên các hệ thống phần mềm tập trung theo Khung kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC từ ngày 01/01/2026 là nhiệm vụ mới, có phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan trực tiếp đến trách nhiệm tổ chức thực hiện của cả Trung ương và địa phương. Tuy nhiên, hiện nay chưa có hướng dẫn thống nhất về giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ và phân công trách nhiệm cụ thể giữa các bộ, ngành Trung ương và địa phương, tiềm ẩn nguy cơ gây lúng túng, thiếu đồng bộ trong quá trình chuyển đổi.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kính đề nghị Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan ban hành hướng dẫn nhiệm vụ chung, thống nhất giải pháp, quy trình triển khai trên phạm vi toàn quốc để các địa phương có cơ sở thực hiện đồng bộ, hiệu quả, bảo đảm thông suốt trong quá trình chuyển đổi.

**b) Về phạm vi thống kê, đánh giá việc tích hợp DVCTT với Cổng Dịch vụ công quốc gia**

Qua theo dõi, đánh giá việc cung cấp và tích hợp DVCTT với Cổng Dịch vụ công quốc gia, hiện nay tỉnh An Giang còn được thống kê một số TTHC chưa cung cấp hoặc chưa tích hợp DVCTT, dẫn đến tỷ lệ tích hợp được ghi nhận ở mức chưa cao. Tuy nhiên, qua rà soát thực tế, một số TTHC trong danh mục thống kê không thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc thẩm quyền quyết định của các cơ quan, đơn vị

thuộc tỉnh An Giang, như thủ tục của Kho bạc Nhà nước, cơ sở khám chữa bệnh, cơ quan đăng kiểm, Bảo hiểm xã hội,... do các bộ, ngành Trung ương trực tiếp quản lý và tổ chức thực hiện.

Để bảo đảm việc thống kê, đánh giá phản ánh đúng phạm vi trách nhiệm và thực trạng triển khai của địa phương theo thẩm quyền được giao, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kính đề nghị Văn phòng Chính phủ xem xét, hướng dẫn việc điều chỉnh phạm vi thống kê, đánh giá đối với các TTHC chưa cung cấp hoặc chưa tích hợp DVCTT với Cổng Dịch vụ công quốc gia nhưng không thuộc thẩm quyền của tỉnh An Giang (theo phụ lục kèm theo).

## **2. Bộ Nội vụ**

Việc tổ chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp đặt ra yêu cầu mới về biên chế, vị trí việc làm và chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

Đề nghị Bộ Nội vụ sớm ban hành hướng dẫn cụ thể về biên chế, số lượng vị trí việc làm tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; đồng thời nghiên cứu, đề xuất cơ chế hỗ trợ kinh phí, phụ cấp đối với cán bộ làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp.

## **3. Bộ Tài chính**

Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC đã được ban hành từ lâu, nhiều nội dung dẫn chiếu không còn phù hợp với các quy định hiện hành; định mức chi chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn triển khai công tác kiểm soát TTHC trong bối cảnh chuyển đổi số.

Đề nghị Bộ Tài chính, phối hợp Văn phòng Chính phủ nghiên cứu, ban hành văn bản thay thế Thông tư số 167/2012/TT-BTC nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý và kinh phí thực hiện công tác kiểm soát TTHC phù hợp với tình hình mới.

## **4. Bộ Y tế**

Việc đồng bộ hồ sơ liên thông từ phần mềm chuyên ngành bảo trợ xã hội với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh còn xảy ra lỗi, ảnh hưởng đến việc theo dõi, số hóa và giám sát tiến độ giải quyết hồ sơ.

Đề nghị Bộ Y tế sớm khắc phục các lỗi kỹ thuật, bảo đảm kết nối, đồng bộ dữ liệu thông suốt giữa các hệ thống.

## **5. Bộ Công an**

Công an tỉnh chưa được cấp tài khoản quản trị trên các hệ thống liên quan, gây khó khăn trong việc theo dõi, đôn đốc, xử lý hồ sơ tồn đọng, quá hạn tại các đơn vị, địa phương.

Đề nghị Bộ Công an xem xét, cấp tài khoản quản trị cho Công an tỉnh để phục vụ công tác theo dõi, giám sát tiến độ giải quyết TTHC, kịp thời chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp.

## **6. Các Bộ, ngành Trung ương**

Đội ngũ cán bộ, công chức làm nhiệm vụ đầu mối kiểm soát TTHC và lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cần có hướng dẫn thống nhất để thuận tiện trong theo dõi, đánh giá tiến độ và chất lượng giải quyết TTHC khi triển khai Hệ thống phần mềm tập trung từ ngày 01/01/2026.

Đề nghị các bộ, ngành sớm có ban hành hướng dẫn nhiệm vụ chung cho các địa phương nhằm thống nhất cách thức tổ chức thực hiện, theo dõi và đánh giá kết quả giải quyết TTHC trên các hệ thống thông tin tập trung.

Trên đây là báo cáo của tỉnh An Giang về tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách TTHC tháng 12 năm 2025./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công an;
- Bộ Y tế;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, KGVX, NC, KT;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, nhtuy, “HT”.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Phong**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC MỤC KIẾN NGHỊ VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XÓA**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)*

| STT | Mã TTHC      | Mã DVC          | Tên DVC                                                                            | QĐ công bố   | Lĩnh vực                                                                      | Bộ công bố             | Cơ quan thực hiện                                       | Cấp thực hiện                  | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1   | 1.000252.H01 | 1.000252.H01.01 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng | 359/QĐ-UBND  | Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                  | Cấp Bộ; Cấp Tỉnh               |         |
| 2   | 1.002245.H01 | 1.002245.H01.01 | Đăng ký bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm                                                | 1052/QĐ-UBND | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo) | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập | Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cơ quan khác |         |

| STT | Mã TTHC                | Mã DVC                    | Tên DVC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | QĐ công bố   | Lĩnh vực                                                  | Bộ công bố             | Cơ quan thực hiện             | Cấp thực hiện        | Ghi chú |
|-----|------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------|----------------------|---------|
| 3   | 1.001127.H01           | 1.001127.H01.01           | Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1052/QĐ-UBND | Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo) | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Giáo dục và Đào tạo        | Cấp Bộ; Cơ quan khác |         |
| 4   | 2.002340.000.00.00.H01 | 2.002340.000.00.00.H01.01 | Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng. | 559/QĐ-UBND  | An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)                     | Bộ Nội vụ              | Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang | Cấp Tỉnh             |         |

| STT | Mã TTHC                | Mã DVC                    | Tên DVC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | QĐ công bố   | Lĩnh vực                                         | Bộ công bố   | Cơ quan thực hiện               | Cấp thực hiện        | Ghi chú |
|-----|------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|----------------------|---------|
| 5   | 2.002342.000.00.00.H01 | 2.002342.000.00.00.H01.01 | Giải quyết chế độ cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp một lần hoặc hằng tháng; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do bệnh nghề nghiệp; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm bệnh nghề nghiệp hằng tháng | 559/QĐ-UBND  | An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)            | Bộ Nội vụ    | Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang   | Cấp Tỉnh             |         |
| 6   | 1.001664.000.00.00.H01 | 1.001664.000.00.00.H01.01 | Giải ngân khoản vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp (cấp tỉnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | QĐ/2998-UBND | Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Bộ Tài chính) | Bộ Tài chính | Kho bạc Nhà nước - Bộ tài chính | Cấp Tỉnh             |         |
| 7   | 1.012875.H01           | 1.012875.H01.01           | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1479/QĐ-UBND | Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)                          | Bộ Xây dựng  | Các đơn vị đăng kiểm            | Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cơ |         |

| STT | Mã TTHC      | Mã DVC          | Tên DVC                                                          | QĐ công bố   | Lĩnh vực                         | Bộ công bố | Cơ quan thực hiện                                 | Cấp thực hiện                  | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------|------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------|------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|---------|
|     |              |                 | lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin |              |                                  |            |                                                   | quan khác                      |         |
| 8   | 1.014193.H01 | 1.014193.H01.01 | Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế                       | 636/QĐ-UBND  | Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)          | Bộ Y tế    | Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh                        | Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác |         |
| 9   | 1.014332.H01 | 1.014332.H01.01 | Cấp lại Giấy chứng sinh                                          | 1250/QĐ-UBND | Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế) | Bộ Y tế    | Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh                        | Cơ quan khác                   |         |
| 10  | 1.014331.H01 | 1.014331.H01.01 | Cấp Giấy chứng sinh                                              | 1250/QĐ-UBND | Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế) | Bộ Y tế    | Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh                        | Cơ quan khác                   |         |
| 11  | 1.014128.H01 | 1.014128.H01.01 | Cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án                                    | 258/QĐ-UBND  | Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)   | Bộ Y tế    | Các cơ sở khám chữa bệnh Trung ương và địa phương | Cơ quan khác                   |         |

| STT | Mã TTHC      | Mã DVC          | Tên DVC                                                                                                                                                                                     | QĐ công bố   | Lĩnh vực                              | Bộ công bố   | Cơ quan thực hiện                            | Cấp thực hiện | Ghi chú                                                      |
|-----|--------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------|--------------|----------------------------------------------|---------------|--------------------------------------------------------------|
| 12  | 1.007623.H01 | 1.007623.H01.01 | Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương                                                                                                                 | 2805/QĐ-UBND | Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính) | Bộ Tài chính | Sở Tài chính                                 | Cấp Tỉnh      | An Giang không nằm trong sách theo Quyết định 42/2012/QĐ-TTg |
| 16  | 3.000256.H01 | 3.000256.H01.01 | Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật | 1061/QĐ-UBND | Quản lý công sản (Bộ Tài chính)       | Bộ Tài chính | Cơ quan phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh | Cấp Tỉnh      | Cơ quan thực hiện: Tập đoàn Điện lực Việt Nam                |